

Số: 436 /SNV-CCVC

Lạng Sơn, ngày 10 tháng 4 năm 2020

V/v nộp hồ sơ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên trung học phổ thông hạng II năm 2020

Kính gửi:

- Sở Giáo dục và Đào tạo;
- Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố.

Triển khai Kế hoạch số 50/KH-UBND ngày 20/3/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh về Tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non, phổ thông công lập tỉnh Lạng Sơn năm 2020;

Để có cơ sở xây dựng Đề án Tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên trung học phổ thông hạng II năm 2020, Sở Nội vụ đề nghị các cơ quan, đơn vị triển khai việc nộp hồ sơ dự xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên trung học phổ thông hạng II, mã số V.07.05.14 đến viên chức thuộc thẩm quyền quản lý, cụ thể như sau:

I. ĐỐI TƯỢNG, ĐIỀU KIỆN, TIÊU CHUẨN

1. Đối tượng: Giáo viên, cán bộ quản lý giáo dục (sau đây gọi chung là giáo viên) đang làm nhiệm vụ giảng dạy, giáo dục trong các cơ sở giáo dục phổ thông, giáo dục thường xuyên và giáo dục chuyên biệt công lập thuộc hệ thống giáo dục quốc dân có cấp trung học phổ thông.

2. Điều kiện:

- Cơ sở giáo dục có nhu cầu về vị trí việc làm của chức danh nghề nghiệp ở hạ ng đã ng ký dự xét và đ ược cấ p cú thấ m quyề n cử tham dự kỳ xét thấ ng hạ ng.

- Hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lờn trong thờ i gian cụng tớc 03 nă m liờn tực (nă m: 2017, 2018, 2019) tónh đ ể n thờ i đ iể m hế t hạ n nộ p hồ sơ dự xét; cú đ ủ phấ m chấ t và đ ạ o đ ứ c nghề nghiê p; khụng trong thờ i gian bị thi hà nh kỷ luậ t hoặ c đ ó cú thụng bở về việ c xem xét xử lý kỷ luậ t củ a cơ quan, đ ơ n vị cú thấ m quyề n.

3. Tiêu chuẩn

a) Có bằng tốt nghiệp Đại học Sư phạm trở lên hoặc có bằng tốt nghiệp đại học các chuyên ngành phù hợp với bộ môn giảng dạy trở lên và có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm đối với giáo viên trung học phổ thông;

b) Có trình độ ngoại ngữ bậc 2 theo quy định tại Thông tư số [01/2014/TT-BGDĐT](#) ngày 24/01/2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào

tạo ban hành khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc có chứng chỉ tiếng dân tộc đối với những vị trí việc làm yêu cầu tiếng dân tộc;

Đối với giáo viên dạy ngoại ngữ thì trình độ ngoại ngữ thứ hai phải đạt bậc 2 theo quy định tại Thông tư số [01/2014/TT-BGDĐT](#) ngày 24/01/2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam;

c) Có trình độ tin học đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định tại Thông tư số [03/2014/TT-BTTTT](#) ngày 11/3/2014 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin;

d) Có chứng chỉ bồi dưỡng giáo viên trung học phổ thông hạng II.

đ) Được công nhận là chiến sĩ thi đua cấp cơ sở hoặc giáo viên trung học phổ thông dạy giỏi, giáo viên trung học phổ thông chủ nhiệm giỏi cấp trường trở lên;

e) Có thời gian giữ chức danh giáo viên trung học phổ thông hạng III hoặc tương đương từ đủ 06 (sáu) năm trở lên, trong đó thời gian gần nhất giữ chức danh giáo viên trung học phổ thông hạng III tối thiểu từ đủ 01 (một) năm trở lên.

II. MIỄN XÉT TRÌNH ĐỘ NGOẠI NGỮ VÀ TIN HỌC

1. Giáo viên tính đến ngày 31/12/2020 có tuổi đời từ đủ 55 tuổi trở lên đối với nam và từ đủ 50 tuổi trở lên đối với nữ thì được miễn xét trình độ ngoại ngữ, tin học theo quy định của hạng chức danh nghề nghiệp.

2. Trong trường hợp giáo viên thuộc Khoản 1 Mục này có trình độ ngoại ngữ, tin học cao hơn so với quy định về trình độ ngoại ngữ, tin học tối thiểu của hạng thì vẫn được xét để tính điểm tăng thêm.

Lưu ý:

- Các chứng chỉ tin học ứng dụng A, B, C có giá trị sử dụng tương đương chứng chỉ tin học trình độ đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định tại Thông tư số [03/2014/BTTTT](#) ngày 11/3/2014 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin;

- Các chứng chỉ ngoại ngữ trình độ A và A1; trình độ B và A2; trình độ C và B1; trình độ B2 lần lượt tương đương với bậc 1; bậc 2; bậc 3; bậc 4 khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam theo quy định tại Thông tư số [01/2014/TT-BGDĐT](#) ngày 24/01/2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam.

III. HỒ SƠ ĐĂNG KÝ DỰ XÉT THĂNG HẠNG

Hồ sơ đăng ký dự xét thăng hạng theo mẫu do Sở Nội vụ phát hành, hồ sơ gồm:

- Đơn đăng ký dự xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp;
- Bản sơ yếu lý lịch viên chức (theo mẫu số 2 Ban hành kèm theo Thông tư số 12/2012/TT-BNV ngày 18/12/2012 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ Quy định về chức danh nghề nghiệp và thay đổi chức danh nghề nghiệp đối với viên chức), có xác nhận của đơn vị sử dụng viên chức;
- Bản nhận xét, đánh giá của người đứng đầu cơ quan sử dụng viên chức không giữ chức vụ quản lý hoặc của người đứng đầu cơ quan, tổ chức có thẩm quyền bổ nhiệm viên chức quản lý; trong đó nêu cụ thể kết quả đánh giá, phân loại viên chức hàng năm của 03 năm gần nhất (năm: 2017, 2018, 2019);
- Bản sao các văn bằng, chứng chỉ của viên chức theo tiêu chuẩn của chức danh nghề nghiệp đăng ký dự xét được cơ quan có thẩm quyền chứng thực;
- Biên bản nhận xét, đánh giá về điều kiện, tiêu chuẩn của viên chức đăng ký dự xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên và các minh chứng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp đăng ký dự xét, bao gồm các minh chứng về: nhiệm vụ; tiêu chuẩn về trình độ đào tạo, bồi dưỡng; tiêu chuẩn năng lực chuyên môn, nghiệp vụ và minh chứng về các trường hợp điểm cộng thêm (theo hướng dẫn tại Phụ lục “Hướng dẫn minh chứng và chấm điểm hồ sơ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non, phổ thông công lập” kèm theo Thông tư số 28/2017/TT-BGDĐT).

Lưu ý: Sở Giáo dục và Đào tạo, UBND các huyện, thành phố căn cứ nhu cầu đăng ký dự xét của giáo viên cử 01 công chức làm đầu mối đến Phòng Văn thư của Sở Nội vụ (phòng 108) mua hồ sơ dự xét thăng hạng về bán cho viên chức có nhu cầu tại cơ quan, đơn vị. Hồ sơ có bán tại Sở Nội vụ từ ngày 16/4/2020.

IV. HÌNH THỨC XÉT THĂNG HẠNG, CÁCH TÍNH ĐIỂM HỒ SƠ XÉT THĂNG HẠNG

1. Xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên trung học phổ thông từ hạng III lên hạng II thông qua việc xét và chấm điểm hồ sơ.

2. Cách tính điểm hồ sơ xét thăng hạng

2.1. Hồ sơ xét thăng hạng được chấm theo thang điểm 100. Tổng điểm của hồ sơ xét thăng hạng bao gồm điểm chấm hồ sơ và điểm tăng thêm. Không làm tròn số khi cộng điểm.

2.2. Điểm hồ sơ là 100 điểm, cụ thể:

a) Nhóm tiêu chí đánh giá về khả năng thực hiện nhiệm vụ của giáo viên ở hạng đề nghị xét: 5,0 điểm;

b) Nhóm tiêu chí về tiêu chuẩn trình độ đào tạo, bồi dưỡng: 20 điểm;

c) Nhóm tiêu chí về tiêu chuẩn năng lực chuyên môn, nghiệp vụ: 75 điểm;

2.3. Điểm tăng thêm:

a) Điểm tăng thêm được thực hiện đối với những trường hợp sau: Có trình độ đào tạo, trình độ ngoại ngữ, tin học cao hơn so với quy định của hạng (tính vào điểm của nhóm tiêu chí thuộc điểm b, tiểu mục 2.2, khoản 2, Mục này); có thành tích được tặng bằng khen từ cấp tỉnh, Bộ trở lên; Giấy chứng nhận chiến sĩ thi đua cấp cao hơn so với quy định của hạng; giáo viên có học sinh đoạt giải cấp tỉnh hoặc cấp quốc gia trong cuộc thi do ngành Giáo dục tổ chức (không tính các cuộc thi do các cơ quan, đơn vị ngoài ngành Giáo dục tổ chức), giáo viên có học sinh trong đội tuyển học sinh dự thi khoa học kỹ thuật, văn hóa, thể thao khu vực Đông Nam Á, Châu Á Thái Bình Dương, quốc tế và giáo viên có học sinh đoạt giải khoa học kỹ thuật, văn hóa, thể thao khu vực Đông Nam Á, Châu Á Thái Bình Dương, quốc tế (tính vào điểm của nhóm tiêu chí thuộc điểm c, tiểu mục 2.2, khoản 2, Mục này);

b) Điểm tăng thêm tính cho mỗi minh chứng của tiêu chuẩn, tiêu chí do Hội đồng xét thăng hạng quy định nhưng không vượt quá 5,0 điểm. Đối với những tiêu chuẩn, tiêu chí có nhiều minh chứng để tính điểm tăng thêm thì chỉ tính điểm tăng thêm cho minh chứng có giá trị cao nhất.

V. CÁCH XÁC ĐỊNH NGƯỜI ĐƯỢC THĂNG HẠNG

1. Người được thăng hạng chức danh nghề nghiệp trong kỳ xét thăng hạng phải có đủ các điều kiện sau đây:

a) Có đủ hồ sơ kèm theo các minh chứng theo quy định.

b) Điểm chấm hồ sơ phải đạt 100 điểm trở lên. Trong đó, điểm của mỗi nhóm tiêu chí phải đạt tối thiểu theo quy định tại điểm 2.2, khoản 2, Mục IV của văn bản này.

2. Giáo viên không được thăng hạng trong kỳ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp theo quy định tại Khoản 1, Mục này, không được bảo lưu kết quả cho kỳ xét thăng hạng lần sau.

VI. CHỈ TIÊU XÉT THĂNG HẠNG: Không phân bổ chỉ tiêu xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp từ giáo viên trung học phổ thông hạng III lên giáo viên trung học phổ thông hạng II.

VII. LỆ PHÍ DỰ XÉT THĂNG HẠNG

Theo quy định tại Thông tư số 228/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí tuyển dụng, dự thi nâng ngạch, thăng hạng công chức, viên chức và nguồn ngân sách nhà nước giao (nếu có). Tùy vào số lượng thực tế hồ sơ đăng ký dự xét thăng hạng, mức thu theo quy định hiện hành.

Căn cứ Kế hoạch số 50/KH-UBND ngày 20/3/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh và văn bản của Sở Nội vụ, đề nghị các cơ quan, đơn vị triển khai đến

các cơ sở giáo dục công lập trực thuộc, phối hợp với Đài Truyền thanh, Truyền hình thông báo rộng rãi trên phương tiện thông tin đại chúng; đăng tải trên trang thông tin điện tử, niêm yết công khai tại trụ sở làm việc của cơ quan, đơn vị và tại các cơ sở giáo dục để viên chức có nhu cầu đăng ký dự xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên trung học phổ thông hạng II được biết.

Căn cứ vị trí việc làm, cơ cấu chức danh nghề nghiệp, nhu cầu của các cơ sở giáo dục công lập, đề nghị Sở Giáo dục và Đào tạo, UBND các huyện, thành phố tiến hành thẩm định, tổ chức sơ tuyển nhằm lựa chọn, cử đúng đối tượng, đảm bảo đủ điều kiện, tiêu chuẩn tham dự xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên trung học phổ thông hạng II.

Văn bản kèm danh sách trích ngang (theo Phụ lục đính kèm) cử viên chức dự xét thăng hạng và hồ sơ đăng ký dự xét thăng hạng, các cơ quan, đơn vị gửi về Sở Nội vụ **trước ngày 31/5/2020**.

Trong quá trình triển khai nếu có vướng mắc đề nghị liên hệ với Sở Nội vụ (qua Phòng Công chức, viên chức, số điện thoại 02053.814.676) để trao đổi thống nhất thực hiện./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- UBND tỉnh (b/c);
- Lãnh đạo Sở NV;
- Phòng Nội vụ các huyện;
- Phòng CCVC;
- Website Sở Nội vụ;
- Lưu: VT.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Hoàng Thị Luân